

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 244/2021/HS-ST

Ngày: 22-12-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Loan;

Bà Mai Lương Anh.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Hoàng Anh –Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 252/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 265/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức T**; sinh ngày 08 tháng 11 năm 1986; nơi sinh: Hải Dương; nơi cư trú: Tổ 4 Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nơi ở: Tổ 19, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1955; vợ: Trần Thị Y, sinh năm 1990 (đã ly hôn); có 02 con sinh năm 2010 và 2013; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/7/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. *(Có mặt)*

Bị hại: Anh Hoàng Hữu T1, sinh năm: 1983; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. *(Có mặt)*

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Xuân M, *(vắng mặt)*

2. Chị Trần Thị Y, *(vắng mặt)*

3. Chị Đầu Thị Kim Chi. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức T và chị Trần Thị Y là vợ chồng và có 02 người con chung. Năm 2020, T và chị Y ly hôn, 02 con chung ở cùng với Nguyễn Đức T. Ngày 03/01/2021, chị Y rủ anh Hoàng Hữu T1 và anh Nguyễn Xuân M lên thành phố Đ để thăm con chị Y và cả hai đồng ý. Khoảng 11 giờ cùng ngày, chị Y, anh T1 và anh M tới nơi ở của T tại địa chỉ Tổ 19, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Tại đây, chị Y yêu cầu được gặp con, T không cho nên hai bên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, lúc này M xông vào dùng tay đánh T thì T lùi lại phía sau, T1 cũng xông vào dùng chân đạp vào người T thì T cúi xuống nhặt một viên đá ném trúng vào đầu anh Hoàng Hữu T1 làm anh T1 ngã xuống đất và T bỏ đi còn anh T1 được đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng cấp cứu. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra không thu giữ được tang vật của vụ án.

Tại Kết luận giám định thương tích số 64/2021-TgT ngày 26/3/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Lâm Đồng xác định anh Hoàng Hữu T1 bị sẹo thái dương - đỉnh trái 14cm là 3%; Dập xuất huyết não thùy đỉnh trái là 13%; Gãy lún xương đỉnh trái là 26%, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Hoàng Hữu T1 là 38% (*ba mươi tám phần trăm*), tổn thương do vật tày gây nên.

Bị hại: anh T1 yêu cầu bị cáo bồi thường tiền điều trị thương tích, tiền công người chăm sóc, tiền mất thu nhập và tiền tổn thất tinh thần với tổng số tiền là 120.000.000 (*một trăm hai mươi triệu*) đồng. Ngày 18/11/2021, gia đình bị cáo T đã tự nguyện nộp số tiền 30.000.000 (*ba mươi triệu*) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ để bồi thường cho bị hại.

Cáo trạng số 251/CT-VKS ngày 19/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự .

Tại phiên toà,

Bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo, không có nội dung gì thay đổi. Bị cáo thống nhất với nội dung cáo trạng, không có thắc mắc khiếu nại gì về kết luận giám định thương tích của bị hại, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Bị hại anh T1 thống nhất với lời khai của bị cáo, anh T1 yêu cầu bị cáo bồi thường tiền điều trị thương tích, tiền công người chăm sóc, tiền mất thu nhập và tiền tổn thất tinh thần với tổng số tiền là 120.000.000 (*một trăm hai mươi triệu*) đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo đồng ý bồi thường cho anh T1 số tiền trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng luận tội và tranh luận đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng số 251/CT-VKS ngày 19/11/2021 và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 04 - 05 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại: bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng.

Bị cáo, bị hại không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn hối cải, xin lỗi bị hại, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về chăm lo cho các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên toà, người làm chứng anh M có đơn xin vắng mặt, người làm chứng chị Y, chị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 11 giờ ngày 03/01/2021, tại khu vực trước nhà của bị cáo Nguyễn Đức T ở tổ 19, phường C, thành phố Đ, trong lúc xảy ra mâu thuẫn với vợ cũ là chị Trần Thị Y và bị Nguyễn Xuân M cùng Nguyễn Hữu T1 là người đi cùng chị Y xông vào đánh và đập vào người thì bị cáo Nguyễn Đức T đã nhặt viên đá và dùng viên đá là hung khí nguy hiểm ném trúng vào đầu anh Hoàng Hữu T1 gây nên vết thương thái dương - đỉnh trái 14cm, dập xuất huyết não thùy đỉnh trái, gãy lún xương đỉnh trái với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của anh Hoàng Hữu T1 là 38% (ba mươi tám phần trăm). Hành vi của bị cáo T thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của bị hại và của anh M. Bị cáo có bà nội Nguyễn Thị T là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, có bác, chú ruột là Nguyễn Đức T và Nguyễn Văn Q đều là liệt sĩ. Tại phiên toà, bị cáo trình bày quá trình điều tra, bị cáo có nhờ gia đình bồi thường cho bị hại,

gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 30.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho bị hại (tương ứng 1/4 số tiền bồi thường) nên không đủ điều kiện áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng tình các tiết giảm nhẹ quy định tại điểm e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về quyết định hình phạt: Bản thân bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ sức khỏe của con người là vốn quý và luôn được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm đến sức khỏe của con người một cách trái pháp luật đều bị nghiêm cấm nhưng chỉ vì mâu thuẫn nhất thời, không kìm chế được bản thân, bị cáo đã sử dụng đá là hung khí nguy hiểm ném trúng vào vùng đầu của bị hại với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 38% là rất nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm nghiêm trọng đến sức khỏe của bị hại mà còn làm mất an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nên xử phạt bị cáo hình phạt nghiêm khắc, tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát từ hành vi trái pháp luật của bị hại và của anh M đã xông vào đánh và đập bị cáo trước dẫn đến bị cáo bị kích động về tinh thần và thực hiện hành vi phạm tội nêu trên nên Hội đồng xét xử cũng cần nhắc khi xem xét tính chất hành vi phạm tội và quyết định hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, với chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo để xem xét xử bị cáo dưới khung hình phạt. Xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại anh T1 yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh tiền điều trị thương tích, tiền công người chăm sóc, tiền mất thu nhập, tiền tổn hại sức khỏe và tổn thất tinh thần với tổng số tiền 120.000.000 (*một trăm hai mươi triệu*) đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường cho anh T1 số tiền nói trên. Xét thấy sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận: Bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại 120.000.000 (*một trăm hai mươi triệu*) đồng, được khấu trừ vào số tiền 30.000.000 (*ba mươi triệu*) đồng gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ nên bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại số tiền là 90.000.000 (*chín mươi triệu*) đồng.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.
2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Đức T 05 (*năm*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 09/7/2021.
3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại: Bị cáo Nguyễn Đức T có trách

nhiệm bồi thường cho bị hại anh Hoàng Hữu T1 số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng, được khấu trừ vào số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) gia đình bị cáo (ông Nguyễn Đức D) đã nộp (theo Biên lai thu tiền số 0000554 ngày 18/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ) nên bị cáo Nguyễn Đức T còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Hoàng Hữu T1 số tiền 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. Đà Lạt;
- Công an TP. Đà Lạt;
- THADS TP. Đà Lạt;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Lệ Quyên